

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2025/LĐ-ST

Ngày: 26/6/2025

V/v tranh chấp về yêu cầu
tuyên bố hợp đồng lao động
vô hiệu.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hoàng An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm - Nguyên Chủ tịch công đoàn Trung tâm y tế thành phố Bến Cát.

2. Bà Nguyễn Kim Lý - Nguyên Chủ tịch công đoàn Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2025/TLST-LĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2025/QĐXXST-LĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 78/2025/QĐXXST-LĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Minh P, sinh năm 1990.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 12, khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương - có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH D.

Địa chỉ: Khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương - vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật: Ông M - Chức danh: Tổng Giám đốc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bảo hiểm xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ: Khu phố 2, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn N - Chức vụ: Phó Giám đốc (theo Văn bản ủy quyền ngày 02/01/2025) - có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Ông Lê Minh I, sinh năm 1992.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 12, khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương - có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2025, lời trình bày của nguyên đơn ông Lê Minh P trong quá trình tham gia tố tụng:

Ông P với ông I là anh em ruột. Do ông I không đủ tuổi lao động nên vào tháng 3/2009, ông I có mượn ông P bản chính giấy chứng minh nhân dân và lấy thông tin của ông P vào làm việc tại Công ty TNHH D (gọi tắt là Công ty D). Ông I vào làm việc tại Công ty D có ký hợp đồng lao động và Công ty có đóng bảo hiểm đầy đủ cho ông I với số bảo hiểm xã hội số 7409142129. Tháng 7/2009, ông I nghỉ việc tại Công ty D. Trong thời gian ông I làm việc cho Công ty D thì ông P làm việc cho Công ty TNHH M (gọi tắt là Công ty M) và Công ty TNHH G (gọi tắt là Công ty G). Từ trước cho đến nay, ông P chưa từng làm việc cho Công ty D. Do thời gian đã lâu nên ông P, ông I không còn giữ các hợp đồng, giấy tờ liên quan đến quá trình làm việc tại Công ty D nên không có đề cung cấp cho Tòa án.

Nay, khi ông P liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội để rút tiền bảo hiểm mà bảo hiểm không thể làm thủ tục giải quyết được. Nên, ông P khởi kiện yêu cầu tuyên hợp đồng lao động được ký kết giữa ông P với Công ty D là vô hiệu.

Các chi phí tố tụng và án phí, ông P tự nguyện chịu.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập họp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập, vắng mặt không có lý do. Bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương trình bày:

Mã số sổ 7409142129 đã chốt sổ bảo hiểm xã hội từ tháng 3/2009 đến tháng 4/2021, chưa hưởng Bảo hiểm xã hội 01 lần, chưa hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp, có quá trình tham gia bảo hiểm tại Công ty D từ tháng 3/2009 đến tháng 7/2009, mức lương đóng bảo hiểm xã hội của ông P là 1.100.000 đồng.

Căn cứ vào báo cáo tình hình sử dụng lao động và danh sách tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp do Công ty ký sổ gửi cơ quan Bảo hiểm xã hội xử lý và ghi nhận quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động, cơ quan bảo hiểm xã hội không lưu trữ hồ sơ cá nhân của người lao động, hồ sơ do Công ty lưu trữ.

Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, Bảo hiểm xã hội thành phố B không có ý kiến đối với việc khởi kiện của ông P. Đồng thời, trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án, Bảo hiểm xã hội thành phố B đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát có ý kiến:

Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng của Tòa án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của người đại diện hợp pháp của đương sự và đương sự trong quá trình tham gia tố tụng nhận thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về sự vắng mặt của các đương sự:

- Nguyên đơn ông P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông I, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố B là ông N có yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt. Việc vắng mặt của bị đơn không vì lý do bất khả kháng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo Công văn số 233/CV-BHXXH ngày 27/5/2025 của Bảo hiểm xã hội thành phố B và lời khai của ông P trong quá trình tham gia giải quyết vụ án thể hiện ông P có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty D từ tháng 3/2009 đến tháng 7/2009. Trong thời gian ông P làm việc cho Công ty D thì ông P có quá trình đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty M và Công ty G.

Quá trình giải quyết vụ án, ông P thừa nhận ông và Công ty D có xác lập hợp đồng lao động. Ông P có thông tin làm công nhân tại Công ty D từ tháng 3/2009 đến tháng 7/2009. Công ty D có đóng tiền bảo hiểm cho ông P đầy đủ theo như nội dung công văn trình bày trên của Bảo hiểm xã hội thành phố B.

Ông P và ông I cùng thống nhất thừa nhận ông P có cho ông I mượn giấy chứng minh nhân dân và lấy thông tin của ông P để làm hồ sơ xin việc tại Công ty D. Việc ông I sử dụng giấy chứng minh nhân dân, thông tin của ông P để giao kết hợp đồng lao động với Công ty D là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động. Do đó, ông P yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa ông P với Công ty D là có căn cứ theo quy định tại Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Ông P chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì trong vụ án. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, do đó, Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

Như vậy, Công ty D, Công ty G, Công ty M cùng tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động có tên Lê Minh P. Tuy nhiên, thực tế ông P thừa nhận chỉ làm việc tại Công ty M trong thời gian đó, không làm việc tại Công ty D. Do đó, hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty D với ông P là vô hiệu như những phân tích ở trên. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P đối với bị đơn Công ty D.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp.

[4] Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, 32, 35, 39, 147, 217, 227, 228, 238, 244, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Minh P đối với bị đơn Công ty TNHH D về tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Lê Minh P với Công ty TNHH D là vô hiệu.

2. Án phí lao động sơ thẩm: Ông Lê Minh P phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (hợp nhất số: 32/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, TA (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Hoàng An